TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **72**/2024/HNGĐ- ST
Ngày : 25.12.2024
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đỗ Đức Lâm**
2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 175/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ka H**, sinh năm 1999
Địa chỉ: Thôn 1, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn:* Anh **K' D,** sinh năm 1996
Địa chỉ: Thôn 1, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị Ka H có mặt, anh K' D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2024 các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ka H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka H và anh K' D chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, hai bên gia đình đồng ý, đăng ký kết hôn tại UBND xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 02/10/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ổn định tại thôn 1, xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Từ tháng 01/2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Lý do anh K' D bồ bịch bên ngoài, chị H đã bắt gặp nhiều lần, tuy nhiên cũng có khuyên bảo nhưng anh K' D không thay đổi. Từ tháng 3/2024 mâu thuẫn trầm trọng kéo dài đến nay nên vợ chồng đã ly thân, phận ai nấy sống,

không quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Ka H yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh K' D.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Ka H và anh K' D có hai con chung tên là Ka D1, sinh ngày 13/01/2016 và K' K, sinh ngày 21/12/2017. Từ khi ly thân đến nay chị Ka H đang nuôi cả hai con chung và đủ điều kiện để nuôi con. Anh K' D không thăm con, không phụ cấp nuôi con chung. Nay yêu cầu ly hôn, chị Ka H yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu anh K' D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Ka H và anh K' D không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ka H và anh K' D không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh K' D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08 tháng 11 năm 2024 nhưng không thành, chị Ka H có mặt, anh K' D vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Ka H và anh K' D được ly hôn, về con chung cần giao 02 con chung là Ka D1, sinh ngày 13/01/2016 và K' K, sinh ngày 21/12/2017 cho chị Ka H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh K' D phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh K' D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka H và anh K' D chung sống tự nguyện từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LB, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày

02/10/2017. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân của chị Ka H và anh K' D không hạnh phúc, có phát sinh mâu thuẫn đến nay không hàn gắn nên chị Ka H yêu cầu giải quyết ly hôn. Chị Ka H trình bày mâu thuẫn là do anh K' D có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị Ka H khuyên bảo nhiều lần vẫn không thay đổi, vợ chồng đã ly thân. Anh K' D được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc. Tòa án có hòa giải để chị Ka H và anh K' D đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa, chị Ka H vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ka H và anh K' D đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Ka H được ly hôn với anh K' D ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ các bản khai sinh của các con do chị Ka H xuất trình, lời khai chị Ka H thì quá trình chung sống chị Ka H và anh K' D có 02 con chung tên là Ka D1, sinh ngày 13/01/2016 và K' K, sinh ngày 21/12/2017. Hiện nay chị Ka H đang nuôi cả 02 con chung và nguyện vọng vẫn tiếp tục nuôi các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Các con chung trên 07 tuổi đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ Ka H. Xét điều kiện nuôi con, nguyện vọng của các con thì giao con cho chị Ka H tiếp tục nuôi con chung là tốt hơn. Còn anh K' D không đến làm việc nên không có ý kiến nào về con chung. Vì vậy, xét thấy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung là Ka D1, sinh ngày 13/01/2016 và K' K, sinh ngày 21/12/2017 cho chị Ka H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Ka H yêu cầu anh K' D cấp dưỡng nuôi con chung mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét mức cấp dưỡng chị Ka H yêu cầu như trên là phù hợp với tình hình mức sống địa phương, phù hợp với pháp luật nên cần xem xét, chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị Ka H trình bày chị và anh K' D không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ka H trình bày chị và anh K' D không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Ka H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (xin ly hôn), buộc anh K' D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ka H đối với anh K' D về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ka H được ly hôn với anh K' D.

2. Về con chung: Buộc anh K' D phải có nghĩa vụ giao 02 con chung là Ka D1, sinh ngày 13/01/2016 và K' K, sinh ngày 21/12/2017 cho chị Ka H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, anh K' D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

"*Quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*".

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

3. Về án phí: Buộc chị Ka H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Ka H đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0007105 ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Buộc anh K' D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con chung).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã LB, huyện B,
tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Bích Thủy